

Bản án số: 84/2019/HS-PT

Ngày: 14-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Phước Tự.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2019/HS-PT ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Dương Văn T.

Do có kháng cáo của bị cáo Dương Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2018/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N.

Bị cáo có kháng cáo:

Dương Văn T, sinh năm 1982 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp L, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Nguyên là công chức, viên chức; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn D (chết) và con bà: La Thị Ng; Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giam ngày 19/3/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn ngày 12/10/2018; Hiện bị cáo đang trú tại ấp L, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Hoàng Giang – Luật sư Văn phòng luật sư Hoàng Giang thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Lê Bá Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị Viện kiểm sát kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/5/2012, Chính phủ ban hành Nghị định số: 42/2012/NĐ-CP “Về quản lý, sử dụng đất trồng lúa” tại các vùng trồng lúa trên cả nước, chính sách hỗ trợ người sản xuất lúa là 500.000đ/ha/năm, Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2012. Căn cứ vào Nghị định trên Ủy ban nhân dân tỉnh ra các Quyết định về phân bổ vốn, thực hiện chính sách hỗ trợ, để bảo vệ phát triển đất trồng lúa đối với người sản xuất lúa trong các năm 2012 đến năm 2015 cho các huyện, thị, thành trong tỉnh. Sở tài nguyên phối hợp với Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh hướng dẫn các huyện, thị, thành thực hiện.

Dương Văn T là công chức Địa chính – Nông nghiệp – Môi trường xã P, huyện N, được Ủy ban nhân dân xã P giao nhiệm vụ tổng hợp danh sách các hộ dân ở ô bao số 9 thuộc Tổ hợp tác LT, ô bao số 10 thuộc ấp LA, giúp việc cho T còn có Lê Bá Đ là nhân viên hợp đồng của xã. Lợi dụng chính sách của chính phủ T nâng diện tích cao hơn thực tế để chiếm đoạt tiền, cụ thể như sau:

Năm 2012 nâng khống diện tích của 03 tổ thuộc ô bao số 9 gồm: tổ 1 là 14 hộ diện tích 103.5 công x 25.000đ/công = 2.587.500 đồng; tổ 2 là 13 hộ diện tích 1.345.5 công x 25.000đ/công = 33.637.500 đồng; tổ 3 có 09 hộ diện tích 87,5 công x 25.000đ/công = 2.187.500 đồng). Tổng số chiếm đoạt là 38.412.500 đồng.

Năm 2013, nâng khống diện tích của 03 tổ thuộc ô bao số 9 gồm: tổ 1 có 12 hộ diện tích 87 công x 50.000đ/công = 4.350.000 đồng; tổ 2 có 4 hộ diện tích 23,5 công x 50.000đ/công = 1.175.000 đồng; tổ 3 có 11 hộ diện tích 263 công x 50.000đ/công = 13.150.000 đồng). Tổng số chiếm đoạt 18.675.000 đồng.

Ngoài ra, trong năm 2013 T còn lập khống danh sách 29 hộ ở ô bao số 10, ấp LA do ông Võ Văn Nh quản lý để chiếm đoạt 26.955.000 đồng.

Tổng số trong 02 năm 2012 và 2013 T và Đ đã chiếm đoạt số tiền là 84.042.500 đồng (trong đó T chiếm đoạt 78.042.500 đồng, Đ chiếm đoạt là 6.000.000 đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2018/HS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Dương Văn T, Lê Bá Đ đã phạm tội “Lạm dụng chức

vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Dương Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án. Được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/3/2018 đến ngày 12/10/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Lê Bá Đ 01 năm 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, bị cáo Dương Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo vì mức án sơ thẩm là quá nặng để bị cáo có điều kiện sớm hòa nhập cộng đồng làm lại cuộc đời.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh cho rằng mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên là đúng với tính chất và mức độ phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, tuy nhiên khi lượng hình cấp sơ thẩm có nhận định quá trình công tác trước đây bị cáo có nhiều thành tích và được khen thưởng người có thành tích xuất sắc nhưng khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ lại không áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo từ 01 đến 03 tháng tù.

Bị cáo không phát biểu tranh luận.

Nói lời sau cùng bị cáo Dương Văn T yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Dương Văn T đã lợi dụng chính sách hỗ trợ của Chính phủ đối với những hộ dân sản xuất lúa, trong quá trình được giao nhiệm vụ tổng hợp diện tích đã nâng khống năm 2012 là 36 hộ với diện tích 1.536,5 công của ô bao số 9 thuộc Tổ hợp tác LT, năm 2013 là 27 hộ với diện tích 373,5 công của ô bao số 9 thuộc Tổ hợp tác LT và 29 hộ ô bao số 10 thuộc ấp LA để chiếm đoạt tổng số tiền 84.0420.500 đồng tiền ngân sách Nhà nước (trong đó phần bị cáo T chiếm

đoạt 78.0420.500 đồng, Lê Bá Đ chiếm đoạt 6.000.000 đồng), bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, khi thực hiện hành vi bị cáo nhận thức được đó là vi phạm pháp luật cho nên hành vi của bị cáo Dương Văn T đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn, chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo nhận tội, bị cáo đã 02 lần chiếm đoạt và mỗi lần đều đủ định lượng đây là tình tiết định khung ở điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự, sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ăn năn hối cải, khắc phục toàn bộ thiệt hại, có ông nội, cha, chú bác tham gia kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ được Nhà nước tặng thưởng Bằng khen, Huy chương kháng chiến. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo là có căn cứ, đồng thời áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 355, điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là đúng với tính chất, mức độ phạm tội mà bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo nhận thấy rằng đây là nhóm tội tham nhũng hơn nữa bị cáo thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo vì vậy không chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thấy rằng bản án sơ thẩm có nhận định quá trình công tác trước đây bị cáo có nhiều thành tích và được khen thưởng nhưng khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ lại không áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng khi quyết định hình phạt lại không áp dụng cho bị cáo cho nên cần xem xét áp dụng trong giai đoạn phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa án sơ thẩm giảm hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa Viện kiểm sát cho rằng mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên là đúng với tính chất và mức độ phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, quá trình lượng hình đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, tuy nhiên có thiếu sót chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ ở điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo nay bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và có 51 người dân ký đơn xin giảm án cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo từ 01 tháng đến 03 tháng tù. Xét đề nghị này của Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Luật sư bào chữa cho bị cáo Dương Văn T cho rằng việc kết tội bị cáo là đúng pháp luật, trong vụ án này còn có các đồng phạm như ông Nguyễn Phước L, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P (nay bí thư xã), ông Nguyễn Hồng D,

phó chủ tịch xã P (nay chủ tịch xã), Nguyễn Sĩ H nhân viên hợp đồng trạm thực vật huyện N và nhiều người khác vì một mình bị cáo T và Đ không thể nào thực hiện được vụ án, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm nên đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra truy tố lại cho toàn diện. Xét thấy lời bào chữa này của luật sư là không có cơ sở chấp nhận vì án sơ thẩm đã nhận định đối với Nguyễn Phú L, Nguyễn Hồng D, Nguyễn Sĩ H, Nguyễn Văn B, Đào Thanh T, Võ Văn Nh, Trịnh Văn Nh, Lê Thị H, Lê Thị Th không đồng phạm trong việc bị cáo T và Đ phạm tội và tách ra để tiếp tục điều tra khi có đủ chứng cứ thì xét xử bằng vụ án khác.

Vì vậy cấp phúc thẩm kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền tiếp tục điều tra xác minh làm rõ những hành vi, vi phạm của Nguyễn Phú L, Nguyễn Hồng D, Nguyễn Sĩ H và những người có liên quan đến L, D, khi có đủ chứng cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Dương Văn T và sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt tù đối với bị cáo Dương Văn T.

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn T phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 355; điểm b, s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/3/2018 đến ngày 12/10/2018.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Dương Văn T không phải án phí phúc thẩm hình sự.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GD-KT1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- NBC;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Trúc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Phước Tự